



## SỰ THAY ĐỔI TÔN GIÁO VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ Ở NGƯỜI HÔNG THÁI LAN

NGUYỄN VĂN THẮNG

Sự thay đổi tôn giáo của người Hông ở Thái Lan đã thu hút sự chú ý của tôi từ chuyến thăm bản Maesa Mai, phủ Pong Yaeng, tỉnh Chiang Mai thuộc bắc Thái Lan vào cuối năm 1998. Khi đó, bản này là địa bàn nghiên cứu điền dã cho đề tài luận văn tiến sĩ của một người bạn đồng học của tôi tại Khoa Nhân học, Đại học Washington, Mỹ<sup>1</sup>. Trong thời gian ở thăm bản này, tôi đã quan sát thấy người Hông ở đây đã thay đổi theo các tôn giáo khác nhau, cụ thể là theo đạo Phật và đạo Cơ đốc với các giáo phái là Phục Lâm hay Giáng Thế (Seventh-day Adventism), Thánh Tẩy hay Tẩy Lễ (Baptism) và Thiên chúa (Catholics). Đặc biệt, có những trường hợp, các thành viên trong cùng một gia đình thay đổi theo tới 2 tôn giáo khác nhau. Sau chuyến thăm này, qua tham khảo các công trình nghiên cứu dân tộc học về người Hông ở Thái Lan cũng như trao đổi với một số đồng nghiệp quan tâm nghiên cứu tộc người này, tôi nhận ra là sự thay đổi theo các tôn giáo khác nhau ở người Hông không chỉ diễn ra ở Maesa Mai mà còn ở nhiều địa phương khác của Thái Lan. Vậy sự thay đổi tôn giáo của người Hông ở bản Maesa Mai đã diễn ra cụ thể như thế nào? Bản chất của nó là gì?

Sự thay đổi tôn giáo này có ảnh hưởng như thế nào tới đời sống xã hội và văn hoá của người Hông? Vì sao sau khi thâm nhập, các tôn giáo khác nhau lại có thể cùng tồn tại được ở người Hông? Được sự giúp đỡ về kinh phí của quỹ Rockefeller, tôi đã tiến hành nghiên cứu ở người Hông thuộc bản Maesa Mai (xem Bản đồ 1) vào đầu năm 2003 để làm sáng rõ những câu hỏi này.

Hy vọng kết quả nghiên cứu mà tôi trình bày ở đây sẽ giúp bạn đọc hiểu rõ hơn một phần về sự thay đổi tôn giáo, bản chất và ảnh hưởng của nó ở người Hông Thái Lan cũng như sự biến đổi thích nghi của người Hông với quá trình hiện đại hoá, dân tộc hoá và toàn cầu hoá ở Thái Lan. Hơn nữa, tôi cũng hy vọng bài viết này sẽ là cơ sở để bạn đọc có thể so sánh và hiểu rõ thêm một phần về vấn đề thay đổi tôn giáo và ảnh hưởng của nó ở người Hông Việt Nam.

Bài viết của tôi được cơ cấu thành 4 phần chính: 1) Người Hông trong cơ cấu dân số và tộc người ở Thái Lan; 2) Tôn giáo truyền thống của người Hông Thái Lan và chức năng của nó; 3) Sự thay đổi tôn giáo ở người Hông Thái Lan và bản chất của nó; 4) Ảnh hưởng của sự thay đổi tôn giáo đối với đời sống xã hội và văn hoá của người Hông Thái Lan.

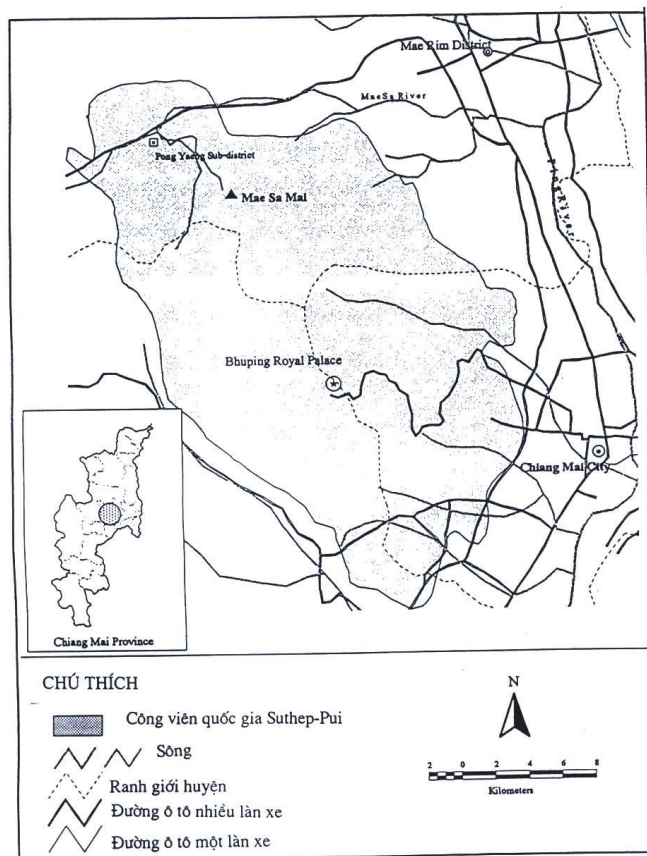
<sup>1</sup> Prasit LeepreeCha, 2001. *Kinship and Identity among Hmong in Thailand*. University of Washington.

I. NGƯỜI HÔNG TRONG CƠ CẤU DÂN SỐ VÀ TỘC NGƯỜI Ở THÁI LAN

Theo cách phân loại tộc người của Thái Lan đ- ợc tiến hành vào cuối những năm 1950, ng- ời Mèo với tên tự gọi là Hmông (*Hmoob*) là một trong “các bộ lạc vùng cao” gọi theo tiếng Thái là *chao khao* (Bảng 1). Tuy *chao khao* là thuật ngữ chung dùng để chỉ các tộc ng- ời không phải là Thái tức không phải là tộc ng- ời đa số ở Thái Lan c- trú ở vùng cao. Nh- ng bao gộp trong thuật ngữ này chỉ gồm có 9 tộc ng- ời trong khi đó theo Vanat Bhruksasri (1989: 6) Thái Lan có ít nhất 23 tộc ng- ời. Trên thực tế, 9 tộc ng- ời đ- ợc phân loại là

*chao khao* không chỉ vì các tộc ng- ời này là thiểu số và c- trú ở vùng cao mà còn vì theo quan niệm của chính phủ Thái, lối sống và văn hoá của các tộc ng- ời này gây ra những vấn đề ảnh h- ưởng tới an ninh quốc gia và sự phát triển kinh tế-xã hội chung của đất n- ớc Thái Lan nh- trồng thuốc phiện, tàn phá rừng... (Thong Chai 1993; Pinkeaw 2002). Vậy các bộ lạc<sup>2</sup> vùng cao đ- ợc phân loại theo các tiêu chuẩn địa lý và chính trị hơn là các tiêu chuẩn ngôn ngữ và văn hoá. Khác với *chao khao*, ng- ời Thái chiếm tới hơn 80% dân số và c- trú chủ yếu ở vùng đồng bằng của Thái Lan.

Bản đồ 1. Bản Mae Sa Mai



BẢN MA SA MAI, HUYỆN MAE RIM, TỈNH CHIANG MAI

<sup>2</sup> Dịch từ thuật ngữ tribe trong các tài liệu của Thái Lan.

Bảng 1. Các bộ lạc vùng cao của Thái Lan

| Thành phần tộc ng- ời | Karen  | Meo    | Lahu   | Lisu   | Yao    | Akha   | Lua   | H'tin  | Khamu | Tổng số |
|-----------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|-------|--------|-------|---------|
| Tổng số bản           | 2,015  | 230    | 411    | 128    | 204    | 194    | 41    | 146    | 34    | 3,408   |
| Tổng số hộ            | 50,78  | 10,459 | 11,152 | 4,103  | 4,814  | 5,673  | 1,440 | 4,802  | 1,274 | 94,495  |
| Tổng dân số           | 20,803 | 82,310 | 60,321 | 25,051 | 36,140 | 32,866 | 1,845 | 28,542 | 7,284 | 551,144 |
| Tỷ lệ dân số          | 49.13  | 14.93  | 10.94  | 4.55   | 6.96   | 5.6    | 1.42  | 5.18   | 1.32  | 100     |

Theo số liệu thống kê năm 1998 của Ban Phúc lợi công cộng bộ lạc thuộc Vụ Phúc lợi công cộng của Thái Lan <sup>(3)</sup>, ng- ời Hmông ở Thái Lan có 126.300 ng- ời, phân bố chủ yếu ở các tỉnh miền núi thuộc Bắc Thái Lan nh- ng tập trung đông nhất ở các tỉnh Chiang Rai, Tak, Nan và Chiang Mai. Họ thuộc 2 ngành chính là Hmông Trắng (*Hmoob Dawb*)<sup>4</sup> và Hmông Xanh (*Hmoob Ntsuab*) phân biệt nhau chủ yếu bởi một số khác biệt về trang phục và ngôn ngữ (Prasit 2001: 32). Ng- ời Hmông di c- vào Thái Lan từ Nam Trung Quốc qua Lào và Miến Điện. Các cuộc di c- đầu tiên của họ có lẽ đã diễn ra vào cuối những năm 1800. T- ơng tự nh- những đồng tộc của họ đã di c- từ Nam Trung Quốc tới Việt Nam, Lào và Miến Điện, ng- ời Hmông di c- tới Thái Lan để tránh các chiến dịch quân sự do triều Mãn Thanh (1644-1912) tiến hành nhằm đàn áp các cuộc khởi nghĩa của họ chống lại chính sách thực dân hoá của triều đại này cũng nh- để tìm đất đai canh tác tốt hơn (Tapp 1986b: 9-11 và 1989: 18).

<sup>3</sup> Viện nghiên cứu Bộ lạc, Chiang Mai, Thái Lan, Tháng 9, 1988

<sup>4</sup> Các từ tiếng Hmông trong bài này đ- ược viết theo hệ thống chữ viết do một số cố đạo và học giả ph- ơng Tây biên soạn cho ng- ời Hmông nh- ng hiện đang đ- ược ng- ời Hmông ở Thái Lan và ở một số n- ớc khác trên thế giới sử dụng rộng rãi.

Ng- ời Hmông ở Maesa Mai có 203 gia đình với 1.770 ng- ời<sup>5</sup> thuộc 4 họ (*xeev*) là Giàng (*Yaaaj*), Sòng (*Xyooj*), Thào (*Thoaj*) và Hạng (*Haav*). Tr- ớc những năm 1970, t- ơng tự nh- những đồng tộc c- trú ở các địa ph- ơng khác, ng- ời Hmông ở bản này sống dựa vào canh tác n- ơng rẫy trồng lúa. Thu nhập tiền mặt của họ chủ yếu nhờ vào trồng thuốc phiện và trồng hồng quả. Nh- ng tới đầu những năm 1970, việc trồng thuốc phiện bị cấm. Sau khi trồng đại trà ở nhiều địa ph- ơng, quả hồng cũng trở nên mất giá và khó tiêu thụ. Hơn nữa, vào thời gian này, Maesa Mai đ- ợc đ- a vào vùng quy hoạch công viên quốc gia. Việc đốt rừng làm rẫy bị cấm. Ng- ời Hmông ở đây phải đối mặt với nhiều khó khăn. Trong khi đó, xuất phát từ quan niệm cho rằng các bộ lạc vùng cao là các bộ lạc thiểu số, lạc hậu và gây ra nhiều vấn đề đe dọa tới an ninh quốc gia và sự phát triển kinh tế-xã hội chung của đất n- ớc cũng nh- nhằm mục đích liên kết chặt chẽ các bộ lạc vùng cao vào với nhà n- ớc Thái thống nhất, chính phủ Thái bắt đầu đẩy mạnh chính sách hiện đại hoá và dân tộc hoá đối với các bộ lạc vùng cao. Chính sách này đ- ợc thể hiện qua các dự án phát triển mà mục đích chính của các

<sup>5</sup> Số liệu do tr- ờng bản Maesa Mai cung cấp ngày 26 tháng 2 năm 2003

dự án này là nhằm khuyến khích và trợ giúp các bộ lạc vùng cao để họ có thể chuyển từ sản xuất nông rẫy du canh và mang tính mùa vụ sang sản xuất định canh và mang tính sản xuất kinh tế hàng hoá, tăng cường hệ thống giáo dục quốc gia thống nhất bằng tiếng Thái, nâng cao dịch vụ y tế, thực hiện chính sách Phật giáo hoá ... Với các dự án phát triển hay hiện đại hoá và dân tộc hoá này, chính phủ Thái đã thúc đẩy người Hmông và các bộ lạc vùng cao khác biến đổi nhanh theo người Thái và tạo ra trong cộng đồng của các bộ lạc này những đặc điểm ngôn ngữ và văn hoá chung của bản sắc dân tộc Thái và vì vậy đã làm mờ đi bản sắc riêng của từng bộ lạc.

## II. TÔN GIÁO TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI HMÔNG THÁI LAN VÀ CHỨC NĂNG CỦA NÓ

Tương tự như những đồng tộc của mình ở các nước khác, người Hmông ở Thái Lan vốn theo tôn giáo vạn vật hữu linh. Tôn giáo của họ gồm tín ngưỡng và hệ thống các nghi lễ kèm theo vừa có những điểm giống lại vừa có những điểm khác với của những người khác tộc.

Giống như những người theo tôn giáo vạn vật hữu linh khác tộc, người Hmông ở Thái Lan tin vào sự tồn tại của các linh hồn trong cơ thể con người cũng như một số động vật và thực vật khác và sự phụ thuộc của thể xác vào linh hồn. Cụ thể, con người và các động vật sẽ khỏe mạnh nếu linh hồn tồn tại trong cơ thể, ngược lại, sẽ ốm đau bệnh tật nếu linh hồn rời khỏi thể xác một cách tạm thời và sẽ chết nếu linh hồn rời khỏi thể xác một cách vĩnh viễn. Họ cũng tin vào sự tồn tại của

các thần và sự tương tác qua lại giữa con người và các thần trong đó các thần có sức mạnh phù hộ hay gây họa cho con người tùy thuộc vào cách ứng xử của con người đối với các thần, tức có tôn trọng và thờ cúng các thần hay không. Tuy nhiên, số lượng và loại các linh hồn và các thần mà người Hmông tin và hệ thống các nghi lễ mà họ thực hành lại khác với của những người theo tôn giáo vạn vật hữu linh khác tộc.

Tuy người Hmông tin vào sự tồn tại của các linh hồn và sự phụ thuộc của thể xác vào linh hồn nhưng họ lại không biết rõ con người có bao nhiêu hồn (*plig*). Chẳng hạn, trong khi một số người Hmông ở Maesa Mai cho rằng con người có 3 linh hồn nằm ở tim, trán và ở gáy thì một số khác lại cho rằng con người chỉ có 2 hồn và vị trí của các hồn này trong cơ thể phụ thuộc vào thời gian sinh của từng người.

Người Hmông tin rằng các linh hồn nhất là của trẻ em rất dễ rời cơ thể khi bị xốc mạnh và bất ngờ như khi bị ngã, khi quá sợ hãi, khi bị tác động mạnh hay đi chơi lang thang. Vì vậy, chúng dễ bị lạc hoặc bị ma quỷ bắt. Khi linh hồn rời khỏi cơ thể, con người thường bị ốm đau bệnh tật. Nếu không tiến hành nghi lễ để gọi hồn về một cách kịp thời con người có thể bị chết. Vì tin rằng một trong những nguyên nhân gây ra ốm đau bệnh tật và chết chóc là sự tách rời giữa thể xác và linh hồn nên gọi hồn (*hu plig*) là nghi lễ rất phổ biến ở người Hmông. Hơn nữa, trong khi tin rằng các vị thần là thiện hay ác tùy thuộc vào cách ứng xử của con người đối với các thần, khi gặp bất hạnh hay may mắn người Hmông đều tiến hành

các nghi lễ để cúng tế các thần mà họ tin đã gây họa cho họ để “giải hạn” hoặc đã phù hộ họ để “tạ ơn”. Các lễ “gọi hồn”, “giải hạn” hay “tạ ơn” thường do người già trong gia đình hay dòng họ hoặc do thầy cúng (*txiv neeb*) tiến hành. Việc hành lễ thường trải qua 3 bước cụ thể là 1) Chẩn đoán nguyên nhân; 2) “Mặc cả” với thần về số lượng gia súc gồm gà, lợn hoặc trâu, bò, và giấy tiền mà gia chủ hứa sẽ cúng tế nếu thần ngừng gây hại hay tiếp tục phù hộ gia chủ; 3) Tiến hành nghi lễ cúng tế như đã hứa cho thần.

Vì tin rằng các vị thần thiện hay ác tùy thuộc vào cách ứng xử của con người đối với các thần nghĩa là có tôn trọng và thờ cúng các thần hay không, người Hmông còn thực hiện hệ thống các nghi lễ thờ cúng để thỏa mãn “yêu cầu” của các thần. Các thần này gồm 2 loại là thần trong nhà và thần tự nhiên. Thuộc loại thần trong nhà (*dlaab qhuas*) gồm thần tổ tiên (*puj yawm txiv koob*), thần cửa chính (*dlaab qhov rooj*), thần cột cái (*ncij dlaab*), thần bếp chính (*dlaab qhov txug*), thần bếp phụ (*dlaab qhov cub*), và thần bảo vệ (*xwm kaab*). Thần tự nhiên gồm thần rừng hay thần thổ địa (*thwv tim*), thần suối, thần núi... Người Hmông thường tiến hành lễ cúng tất cả các vị thần này vào dịp tết cổ truyền của mình. Theo tín ngưỡng của đa số người Hmông ở Maesa Mai, khi chết thì một trong 3 linh hồn của con người sẽ trải qua cuộc hành trình trở về với thế giới của tổ tiên để được tái sinh. Để hướng dẫn linh hồn người chết tìm đường trở về với tổ tiên, trong lễ tang của người Hmông phải có một người hát *Qhuab ke* (Bài ca mở đường). Một hồn khác sẽ bay lên trời và

trở thành thần bảo vệ cho gia đình người quá cố. Hồn thứ ba sẽ ở lại canh giữ mộ. Mục đích của lễ tang và các nghi lễ tiếp sau lễ tang của người Hmông chính là để đưa các hồn của người chết về đúng vị trí của chúng, vì vậy chúng không gây hại cho con cháu đang sống của người quá cố nữa.

Ngoài các nghi lễ gia đình, mỗi dòng họ còn có những ngày lễ chung của mình đó là ngày kiêng gọi theo tiếng Hmông là ngày *lwm tauj* và ngày thanh minh. Ngoài dòng họ, bản (*yao*) cũng có các lễ cúng chung mà điển hình là lễ cúng thần rừng hay thần thổ địa (*thwv tim*) vào ngày đầu năm mới theo lịch của người Hmông.

Qua trình bày ở trên có thể thấy rằng ngoài những điểm giống nhau, tôn giáo vạn vật hữu linh của người Hmông ở Maesa Mai còn có những điểm khác biệt so với của những người khác tộc. Những khác biệt này được thể hiện ở số lượng và loại các vị thần cụ thể mà họ tin và các nghi lễ mà họ thực hiện theo thời gian và nghi thức riêng của mình. Những khác biệt này đóng vai trò là những dấu hiệu để phân biệt người Hmông với các tộc người khác và ngược lại. Nói cách khác, chúng là những dấu hiệu thể hiện một phần bản sắc riêng của người Hmông. Đặc biệt, các nghi lễ tôn giáo, nhất là nghi lễ thờ tổ tiên đóng vai trò quan trọng trong việc tái sản xuất, duy trì và củng cố mối quan hệ thân tộc của người Hmông.

Như trình bày ở trên, người Hmông tin vào sự lệ thuộc của con cháu (đang sống) vào linh hồn tổ tiên đã khuất của họ. Cụ thể, linh hồn tổ tiên sẽ phù hộ cho con cháu đang sống nếu được tôn trọng và thờ

cúng và ng- ọc lại nếu không đ- ọc tôn trọng và thờ cúng sẽ gây hại cho họ. Vì vậy, đối với ng- ời Hmông, thờ cúng tổ tiên vừa là “nghĩa vụ” vừa là “quyền lợi”.

Trong các nghi lễ thờ cúng tổ tiên chung của gia đình hay dòng họ nh- lễ cúng tổ tiên định kỳ vào dịp tết cổ truyền và lễ thanh minh cũng nh- các nghi lễ khác nh- “gọi hồn”, “giải hạn”, “tạ ơn”, ma chay... do từng gia đình tổ chức, tất cả các thành viên trong gia đình và dòng họ phải tham gia và có trách nhiệm đóng góp vật chất nh- gà, lợn, r- ọu, gạo, giấy tiền... Nh- ng mức độ đóng góp này lại tùy thuộc vào từng nghi lễ và đặc biệt là vào mối quan hệ thành viên của từng ng- ời. Vì vậy, mỗi lần tính số l- ợng vật chất mà mình phải đóng góp vào nghi lễ là một lần ng- ời Hmông phải nhớ lại mối quan hệ phả hệ của mình với ông tổ chung đ- ọc cúng tế trong từng nghi lễ hoặc với từng gia đình chủ lễ. Hơn nữa, qua việc tham dự và chứng kiến các nghi lễ, các thành viên thuộc các thế hệ khác nhau biết đ- ọc nhau và hiểu đ- ọc mối quan hệ thân tộc mà họ có chung với nhau cũng nh- biết đ- ọc ai là ông tổ chung cụ thể của mình và cách thức tiến hành nghi lễ nh- thế nào... Vì vậy, các nghi lễ tôn giáo, nhất là nghi lễ thờ cúng tổ tiên đóng vai trò nh- một ph- ơng tiện để cố kết ng- ời Hmông lại với nhau thành một cộng đồng thân tộc ở các cấp độ khác nhau là gia đình và dòng họ (clan) với các đơn vị bên trong của nó là ngành họ (subclan) và chi họ (linage). Các cộng đồng hay các đơn vị thân tộc này là các đơn vị xã hội cấu trúc nên hệ thống tổ chức xã hội truyền thống của ng- ời Hmông phân biệt với các tộc ng- ời khác.

### III. SỰ THAY ĐỔI TÔN GIÁO Ở NG- ỒI H MÔNG THÁI LAN VÀ BẢN CHẤT CỦA NÓ

#### 1. Tiếp thu đạo Phật

Ng- ời Hmông ở Maesa Mai bắt đầu tiếp thu đạo Phật từ đầu những năm 1970. Tới tháng 3/2003, đã có khoảng 50% ng- ời Hmông ở bản này theo đạo Phật. Theo ng- ời Hmông, ở đây họ theo đạo Phật vì chính phủ Thái đã giới thiệu cho họ. Hơn nữa, đạo Phật là quốc giáo vì vậy họ cần phải tôn trọng và cần phải theo.

Theo quan niệm của chính phủ Thái “là công dân Thái phải là tín đồ của đạo Phật” (Keyes 1993: 263). Vì vậy, từ đầu những năm 1970, chính phủ Thái đã đẩy mạnh chính sách Phật giáo hoá đối với các tộc ng- ời không phải là Thái thông qua dự án *thammacarik* tức dự án truyền bá đạo Phật cho c- dân các bộ lạc vùng cao (Munlanithi phoephare phraphuthasatsana kaechon thinkadan 2538 [1995]: 82 và Prasit and Thongsuk 2538 [1995]:136) trích trong Prasit 2001: 170). Nói cách khác, mục đích cơ bản của dự án này là nhằm Thái hoá các tộc ng- ời không phải là Thái.

Chính phủ Thái đã cấp kinh phí để thành lập các trung tâm đào tạo s- và tiểu cho các bộ lạc vùng cao mà chùa Sri Soda ở Chiềng Mai là một trung tâm. Hơn nữa, chính phủ Thái cũng cấp kinh phí để xây dựng nhiều chùa chiền ở vùng núi. Ông Phrakru SiriChaikhun cho biết vào đầu những năm 1970, ông đã đ- ọc dự án *thammacarik* phân công tới Maesa Mai để truyền bá đạo Phật cho ng- ời Hmông ở đây và chùa Maesa Mai đã đ- ọc xây dựng

với kinh phí do nhà vua cấp vào thời gian này. Đặc biệt, để khuyến khích các dân các bộ lạc vùng cao theo đạo Phật, chính phủ Thái còn thực hiện chương trình đào tạo sơ và tiểu kết hợp với học văn hoá miễn phí cho học sinh các bộ lạc vùng cao cho tới khi họ tốt nghiệp trình độ cử nhân. Vì vậy, theo đạo Phật là cơ hội để con cái các gia đình nghèo thuộc các bộ lạc vùng cao có điều kiện học tập văn hoá. Vào tháng 3 năm 2003, ở bản Maesa Mai có 6 học sinh Hmông đang theo học chương trình đào tạo sơ kết hợp với học văn hoá.

Cũng theo người Hmông ở Maesa Mai, tiếp thu đạo Phật còn vì lẽ giáo lý của đạo này phù hợp với các chuẩn mực đạo đức của người Hmông. Cụ thể, đạo Phật lên án giết chóc, trộm cắp, quan hệ tình dục trơ trẽn, lừa dối, nghiện hút, rượu chè, cờ bạc... Đặc biệt, khi theo đạo Phật người Hmông không nhất thiết phải thờ cúng các vị thần, nhất là các vị thần trong nhà theo tín ngưỡng truyền thống riêng của họ mà việc thực hiện các nghi lễ thờ cúng các vị thần này hết sức phức tạp và tốn kém.

Có thể nói người Hmông ở Maesa Mai theo đạo Phật vì các lý do chính trị và kinh tế-xã hội hơn là vì lý do tín ngưỡng.

## **2. Thay đổi theo đạo Cơ đốc (Christianity)**

Đạo Cơ đốc đã được truyền vào người Hmông ở Thái Lan vào những năm 1950. Cụ thể, vào năm 1951, Don Rulison thuộc Cơ quan truyền giáo nội địa Trung Quốc ở nước ngoài đã tới truyền đạo này cho người Hmông ở tỉnh Mae Hong Son.

Ở Maesa Mai, người Hmông đầu tiên thay đổi theo giáo phái Phục Lâm (Adventism) của

đạo Cơ đốc là ông *Vamyig Thoj*. Năm 1964 vợ ông bị bệnh thần kinh. Bà đã đi-ợc đi- a tới cả các thầy lang người Hmông lẫn các bác sĩ để khám và điều trị nhưng bệnh tình của bà vẫn không thuyên chuyển. Một số người bà con của ông ở bản khác đã theo giáo phái Phục Lâm thì ông tới thăm và cầu nguyện cho vợ ông. Theo lời khuyên của họ tốt nhất ông nên thay đổi theo đạo Cơ đốc để cầu Chúa phù hộ cho vợ ông khỏi bệnh vì ông đã cúng tế các thần theo nghi lễ truyền thống quá nhiều rồi mà bệnh tình của vợ ông vẫn không khỏi. Giữa lúc đó, các cố đạo người Hmông theo giáo phái Phục Lâm tới bản truyền đạo, ông *Vamyig* đã quyết định bỏ tín ngưỡng truyền thống và trở thành tín đồ của giáo phái này. Tính tới tháng 3 năm 2003, ở Maesa Mai có khoảng 100 người theo giáo phái Phục Lâm của đạo Cơ đốc. Được sự giúp đỡ về kinh phí của giáo hội Phục Lâm có trụ sở ở Băng Cốc, họ đã xây dựng được một nhà thờ riêng tại bản.

*Ntsuabpov Xyooj* là gia đình người Hmông đầu tiên ở Maesa Mai thay đổi theo giáo phái Thánh Tẩy (Baptism). Tính tới tháng 3 năm 2003, ở Maesa Mai đã có 90 gia đình Hmông với tổng số 350 người theo giáo phái này của đạo Cơ đốc. Nhà thờ Thánh Tẩy ở Maesa Mai đã được xây dựng vào năm 1985 nhờ số tiền ban tặng của một nữ cố đạo Tin lành ở Đài Loan.

Người Hmông ở Maesa Mai theo Thiên chúa giáo hay Công giáo (Catholics) muộn hơn nhiều so với theo giáo phái Phục Lâm và Thánh Tẩy của Cơ đốc giáo cũng như theo đạo Phật. Sự thay đổi theo Công giáo của họ chỉ mới diễn ra cách đây hơn chục năm. Tính tới tháng 3 năm 2003, ở bản này có

khoảng 20 gia đình ng-ời Hmông theo Thiên chúa giáo.

Theo các thông tin viên ở Maesa Mai, số dĩ ng-ời Hmông ở bản này theo các giáo phái khác nhau của Cơ đốc giáo vì tr-ớc khi tới định c-ở ở đây, một số ng-ời trong số họ đã thay đổi theo các giáo phái khác nhau của Cơ đốc rồi. Hơn nữa, các giáo phái này đ-ợc truyền vào cho họ vào những thời gian khác nhau. Và lại, họ thay đổi theo các giáo phái khác nhau của Cơ đốc giáo còn vì những lý do riêng. Chẳng hạn, một số tín đồ Công giáo giải thích rằng họ thay đổi theo Công giáo vì đó là giáo phái chính của đạo Cơ đốc. Hơn nữa, các nguyên tắc của Công giáo không quá cứng nhắc. Trong khi đó một số ng-ời Hmông theo giáo phái Thánh Tẩy lại giải thích rằng họ thay đổi theo giáo phái này vì không phải thờ cúng nhiều thần với các lễ nghi hết sức phức tạp và tốn kém nữa. Ngoài ra, ng-ời Hmông ở Maesa Mai thay đổi theo Cơ đốc giáo đều vì những lý do giống nhau.

Tr-ớc hết, họ thay đổi theo Cơ đốc giáo vì bị khủng hoảng niềm tin vào tín ng-ỡng truyền thống tức vào tín ng-ỡng vạn vật hữu linh. Nh- đã trình bày ở trên, khi ng-ời Hmông gặp rủi ro, bất hạnh nh- ốm đau bệnh tật, mất mùa liên tiếp... họ th-ờng tiến hành các nghi lễ cúng thần để đ-ợc giải thoát khỏi những rủi ro, bất hạnh này. Nh- ng sau nhiều lễ cúng với chi phí hết sức tốn kém những rủi ro, bất hạnh vẫn đeo bám họ. Vì vậy, họ mất niềm tin vào tín ng-ỡng đa thần. Giữa lúc đó đạo Cơ đốc, tôn giáo độc thần, đ-ợc truyền bá vào cho họ, họ đã bỏ tín ng-ỡng đa thần để theo tín ng-ỡng đơn thần. Hơn

nữa, theo họ việc tiến hành các nghi lễ theo tín ng-ỡng truyền thống hết sức phức tạp và thiếu thống nhất. Vì không có quy định hoặc sách vở nào mang tính chuẩn mực cho việc tiến hành các nghi lễ nên sự biến dạng và sai sót trong hành lễ là không tránh khỏi. Những ng-ời có quan hệ bà con với nhau th-ờng tự hỏi nhau liệu họ có mắc sai phạm nào trong khi tiến hành nghi lễ không và những sai phạm mà họ mắc phải có làm cho các vị thần nổi giận và trừng phạt họ không. Để tránh sự phức tạp và những sai phạm trong khi tiến hành nghi lễ một số gia đình ng-ời Hmông đã bỏ tín ng-ỡng truyền thống và theo Cơ đốc giáo. Thêm nữa, trong các tr-ờng hợp khi cha mất, ng-ời con trai cả do nhỏ tuổi ch-ả biết đ-ợc cách thức tiến hành các nghi lễ thờ cúng các thần, nhất là các thần trong nhà, nh- thế nào thì thay đổi theo Cơ đốc giáo là một trong những lối thoát để tránh khỏi phải thực hiện các nghi lễ thờ cúng này. Đặc biệt, thay đổi theo hai giáo phái của Cơ đốc giáo là Phục Lâm và Thánh Tẩy ng-ời Hmông phải đoạn tuyệt hẳn với tín ng-ỡng truyền thống cùng các nghi lễ kèm theo, còn nếu thay đổi theo Công giáo, họ cũng không nhất thiết phải thực hiện các nghi lễ theo tín ng-ỡng truyền thống. Trong khi đó việc thực hiện các nghi lễ theo tín ng-ỡng truyền thống là hết sức tốn kém chẳng hạn nh- khi bố, mẹ qua đời, mỗi con trai phải cúng tế cho ma bố, mẹ một con bò. Vì vậy, thay đổi theo đạo Cơ đốc còn là cách để ng-ời Hmông tránh khỏi phải thực hiện các nghi lễ tốn kém này. Và lại, các giáo sĩ Cơ đốc đã sử dụng các kỹ thuật để lôi kéo ng-ời Hmông thay đổi theo Cơ đốc

giáo nh- đào tạo các cha cố ng- ời Hmông để truyền đạo cho ng- ời Hmông, dạy hệ thống chữ viết đ- ọc La tinh hoá cho ng- ời Hmông kết hợp với truyền đạo, phát miễn phí sách Kinh thánh, cấp học bổng cho con em gia đình theo Cơ đốc theo học văn hoá, tài trợ cho ng- ời Hmông thông qua các đầu mối là các nhà thờ Cơ đốc, bãi bỏ các tập tục thối c- ói, ép dâu, bắt cóc vợ, đa thê, tảo hôn... Tóm lại, việc thay đổi theo các giáo phái khác nhau của đạo Cơ đốc của ng- ời Hmông vì những mục đích thực dụng hơn là vì mục đích tín ng- ỡng.

#### IV. ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ THAY ĐỔI TÔN GIÁO ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ VĂN HOÁ CỦA NG- ỜI HMÔNG Ở THÁI LAN

Nh- đã trình bày ở trên, tôn giáo truyền thống của ng- ời Hmông đóng vai trò tái sản xuất, củng cố và duy trì hệ thống thân tộc mà hệ thống này đã kiến trúc nên hệ thống tổ chức xã hội truyền thống của ng- ời Hmông cũng nh- thể hiện một phần bản sắc tộc ng- ời riêng của họ. Bỏ tôn giáo truyền thống thay đổi theo tôn giáo khác vì vậy có ảnh h- ưởng rất lớn tới xã hội và văn hoá của ng- ời Hmông.

Tới tháng 3 năm 2003, ng- ời Hmông ở Maesa Mai theo tới 3 tôn giáo khác nhau là Vạn vật hữu linh, Phật Giáo và Cơ đốc giáo với 3 giáo phái khác nhau của nó. Vì giáo lý, hệ thống nghi lễ và các nguyên tắc của 3 tôn giáo này thậm chí của 3 giáo phái của đạo Cơ đốc là khác nhau nên ảnh h- ưởng của sự thay đổi theo các tôn giáo hay các giáo phái này của ng- ời Hmông đối với xã hội và văn hoá của họ là không giống nhau.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng việc tiếp thu đạo Phật của ng- ời Hmông Thái Lan không ảnh h- ưởng lớn tới xã hội và văn hoá của họ (Keyes 1993, Prasit 2001) vì Phật giáo và tôn giáo vạn vật hữu linh có nhiều điểm chung với nhau. Nh- ng nghiên cứu của tôi lại cho kết quả ng- ợc lại.

Thay vì thờ *xwmkab*, những ng- ời theo đạo Phật thờ Buddha. Hơn nữa, vì theo đạo Phật, ng- ời Hmông không nhất thiết phải thực hiện các nghi lễ thờ cúng bao gồm cả nghi lễ thờ cúng tổ tiên theo tín ng- ỡng truyền thống nên sau khi theo đạo Phật một số gia đình ng- ời Hmông đã bỏ các nghi lễ thờ cúng này. Đặc biệt, họ xem tín ng- ỡng tôn giáo truyền thống của tộc ng- ời mình là bất hợp lý. Vì đạo Phật là quốc giáo của Thái Lan nên theo đạo Phật đồng nghĩa với việc tiếp thu các giá trị và chuẩn mực văn hoá của xã hội Thái hay nói cách khác là đồng hoá vào xã hội Thái. Cụ thể, vì đạo Phật đ- ọc truyền vào ng- ời Hmông bằng tiếng Thái, các nghi lễ của đạo Phật đ- ọc thực hiện bằng tiếng Thái, ch- ơng trình đào tạo s- và tiểu kết hợp với đào tạo văn hoá cũng bằng tiếng Thái nên ng- ời Hmông muốn tiếp thu đạo Phật tr- ớc hết phải học và nói sõi tiếng Thái. Hơn nữa, để tạo điều kiện cho ng- ời Hmông học và nói tiếng Thái các s- và tiểu khi đ- ọc cử tới các bản ng- ời Hmông để truyền đạo Phật đều mở các lớp dạy tiếng Thái kết hợp với truyền đạo Phật cho dân bản. Bên cạnh đó, tiếp thu đạo Phật, ng- ời Hmông còn phải tiếp thu các giá trị và chuẩn mực của ng- ời Thái nh- cách chào, cách x- ng hô, thời gian và cách thức tiến hành các nghi lễ... Những ảnh

h- ồng ngôn ngữ và văn hoá mà ng- ời Hmông tiếp thu của ng- ời Thái đã hình thành nên trong họ những đặc điểm ngôn ngữ và văn hoá chung của dân tộc Thái Lan. Điều đáng l- u ý là những đặc tr- ng ngôn ngữ và văn hoá Thái thấm lậu vào ng- ời Hmông càng nhiều thì càng làm mờ đi bản sắc riêng của ng- ời Hmông và hạn chế việc thể hiện các đặc tr- ng của bản sắc này ở cấp độ địa ph- ơng, chủ yếu trong phạm vi gia đình và nội bộ cộng đồng của họ. Và lại, khi tiếp xúc với ng- ời Thái nhất là với cán bộ nhà n- ớc, ng- ời Hmông th- ờng nói tiếng Thái và ứng xử theo cách của ng- ời Thái. Ng- ọc lại, khi giao tiếp với nhau, tức giữa những ng- ời đồng tộc, ng- ời Hmông th- ờng sử dụng tiếng mẹ đẻ, tức tiếng Hmông và ứng xử theo cách của ng- ời Hmông. Việc thể hiện theo hoàn cảnh các đặc tr- ng ngôn ngữ, văn hoá tiếp thu của ng- ời Thái và các đặc tr- ng ngôn ngữ, văn hoá riêng của mình đã làm mờ đi bản sắc riêng của ng- ời Hmông.

Song việc thay đổi theo Cơ đốc giáo của ng- ời Hmông có ảnh h- ồng nghiêm trọng hơn nhiều đối với xã hội và văn hoá của họ. Ảnh h- ồng này biến thể theo các giáo phái. Thay đổi theo giáo phái Phục Lâm có lẽ có ảnh h- ồng lớn nhất, vì giáo phái này yêu cầu ng- ời Hmông thay đổi theo nó phải từ bỏ hẳn tín ng- ỡng truyền thống cùng các nghi lễ kèm theo, cũng nh- bỏ uống r- ợu và ăn thịt lợn. Trong khi đó thay đổi theo giáo phái Thánh Tẩy, tuy ng- ời Hmông cũng phải bỏ hẳn tín ng- ỡng, tôn giáo cùng các nghi lễ kèm theo nh- ng họ không nhất thiết phải bỏ uống r- ợu và ăn thịt lợn. Vì vậy, sau khi

thay đổi theo giáo phái này, ng- ời Hmông vẫn có thể tham dự các nghi lễ truyền thống do những ng- ời bà con họ hàng tổ chức. So với sự thay đổi theo hai giáo phái trên, thay đổi theo Thiên chúa giáo tỏ ra ít có ảnh h- ồng hơn cả. Cụ thể, sau khi thay đổi theo giáo phái này ng- ời Hmông vẫn có thể bảo l- u tín ng- ỡng và các nghi lễ truyền thống cũng nh- theo các tôn giáo khác. Vì vậy, có gia đình ng- ời Hmông nh- gia đình ông *Traaj Huv Yaaj* chẳng hạn, theo tới 3 tôn giáo khác nhau là vạn vật hữu linh, Phật giáo và Thiên chúa giáo. Do theo các giáo phái của đạo Cơ đốc nhất là giáo phái Phục Lâm và Thánh Tẩy ng- ời Hmông phải bỏ hẳn tôn giáo truyền thống của mình nên họ đã làm mất đi tất cả các chức năng xã hội và văn hoá nh- đã trình bày ở phần trên. Hơn nữa, việc thay đổi theo các tôn giáo khác biệt về giáo lý, hệ thống nghi lễ và các nguyên tắc đã dẫn tới việc phân chia cộng đồng ng- ời Hmông ở Maesa Mai thành các nhóm tôn giáo đối lập và xung đột nhau. Sự đối lập và xung đột này thể hiện rõ nhất trong mối quan hệ giữa một bên là nhóm những ng- ời Hmông theo tín ng- ỡng tôn giáo truyền thống tức tín ng- ỡng vạn vật hữu linh với một bên là những những ng- ời Hmông theo đạo Cơ đốc, nhất là theo các giáo phái Phục Lâm và Thánh Tẩy. Sự đối lập và xung đột này xảy ra ngay trong mối quan hệ giữa những ng- ời theo các tôn giáo khác nhau trong nội bộ một gia đình nh- gia đình ông *Xub Yaaj* chẳng hạn. Khi ông Xub qua đời, ng- ời con trai thứ hai đã thay đổi theo Thiên chúa giáo đòi phải tổ chức tang lễ cho cha theo nghi thức của Thiên chúa giáo, nh- ng ng- ời con trai cả và các con trai thứ khác vẫn nhất quyết tổ

chức tang lễ cho cha theo nghi thức truyền thống của ng-ời Hmông. Do không thể thống nhất đ-ợc với nhau, lễ tang ông *Xub Yaaj* đã buộc phải tiến hành theo cả nghi thức truyền thống lẫn nghi thức của Thiên chúa giáo. Sau lễ tang này sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa họ vẫn không dịu đi. Đặc biệt nghiêm trọng là sự xung đột về tâm lý. Những ng-ời Hmông theo tín ng-ỡng truyền thống xem vạn vật hữu linh là tôn giáo của tổ tiên ng-ời Hmông đã tồn tại qua nhiều thế kỷ vì vậy bỏ tôn giáo truyền thống có nghĩa là bỏ tổ tiên. Đối với họ thần tổ tiên là quan trọng và ngang hàng với các vị thần khác. Nh-ng đối với những ng-ời thay đổi theo Cơ đốc giáo, là ng-ời Hmông không nhất thiết là cứ phải theo tín ng-ỡng tôn giáo truyền thống của ng-ời Hmông.

Việc truyền đạo Cơ đốc vào ng-ời Hmông trong khi loại bỏ các tín ng-ỡng tôn giáo và tập quán riêng của ng-ời Hmông đã gây ra những căng thẳng và xung đột trong mối quan hệ giữa những ng-ời Hmông có mối quan hệ bà con họ hàng với nhau cả trong các nghi lễ tôn giáo lẫn trong đời sống hàng ngày. Chẳng hạn, việc kiêng uống r-ợu và ăn thịt lợn của giáo phái Phục Lâm đã chia rẽ những ng-ời Hmông thay đổi theo giáo phái này và những ng-ời Hmông theo tín ng-ỡng tôn giáo truyền thống vì r-ợu và thịt lợn vốn đ-ợc sử dụng phổ biến trong xã hội Hmông cụ thể nh- trong các nghi lễ, đón tiếp khách, thết đãi bạn bè và ng-ời thân.....

Tr-ớc những xung đột giữa những ng-ời Hmông theo tín ng-ỡng truyền thống và những ng-ời Hmông theo đạo Cơ

đốc, một số ng-ời Hmông là cố đạo và tr-ởng các giáo phái đã cố gắng đi tìm giải pháp cho những xung đột này. Đi tiên phong là những ng-ời Hmông lãnh đạo giáo phái Thiên chúa. Những ng-ời này đã tiến hành điều chỉnh giáo lý, nghi lễ và các nguyên tắc của Công giáo cho phù hợp với bối cảnh xã hội và văn hoá riêng của ng-ời Hmông. Chẳng hạn, theo họ khi thay đổi theo Công giáo ng-ời Hmông không nhất thiết phải bỏ tín ng-ỡng tôn giáo của mình hay theo tôn giáo khác cũng nh- không nhất thiết phải kiêng uống r-ợu và ăn thịt lợn.

### VÀI NHẬN XÉT KẾT LUẬN

Theo cách phân loại tộc ng-ời ở Thái Lan, ng-ời Hmông là một trong các bộ lạc vùng cao mà các bộ lạc này đ-ợc coi là thiểu số, lạc hậu, lối sống và văn hoá của họ gây ra “những vấn đề có ảnh h-ởng tới an ninh quốc gia và sự phát triển kinh tế-xã hội” của nhà n-ớc Thái. Vì vậy, dân tộc hoá và hiện đại hoá là các chính sách cơ bản mà chính phủ Thái Lan đã và đang tiến hành để liên kết các bộ lạc vùng cao vào với nhà n-ớc Thái và đồng hoá họ với ng-ời Thái.

Thay đổi theo các tôn giáo khác nhau là hiện t-ợng phổ biến ở ng-ời Hmông Thái Lan. Hiện t-ợng này diễn ra d-ới tác động của chính sách dân tộc hoá và hiện đại hoá của chính phủ Thái Lan cũng nh- d-ới ảnh h-ởng của quá trình toàn cầu hoá.

Đáp lại chính sách Phật giáo hoá của nhà n-ớc, ng-ời Hmông đã tiếp thu đạo Phật. Việc tiếp thu đạo Phật của họ vì các mục đích kinh tế-xã hội mang tính thực

dụng hơn là vì lý do tín ngưỡng. Chẳng hạn, ngoài việc được công nhận là công dân Thái, theo đạo Phật người Hmông còn có cơ hội để học hành lên cao và vì vậy có thể kiếm được việc làm và hoà nhập vào xã hội Thái. Dưới ảnh hưởng của phong trào truyền giáo, người Hmông thay đổi theo đạo Cơ đốc với các giáo phái Phục Lâm, Thánh Tẩy và Thiên Chúa. Những việc thay đổi theo Cơ Đốc giáo của họ cũng vì những mục đích thực dụng hơn là vì lý do tín ngưỡng vì sau khi thay đổi theo tôn giáo này người Hmông có thể bỏ hẳn tín ngưỡng tôn giáo truyền thống cùng các nghi lễ hết sức phức tạp và tốn kém, tranh thủ sự giúp đỡ vật chất từ bên ngoài mà sự giúp đỡ này chỉ thông qua đầu mối là các tổ chức của đạo Cơ đốc như nhà thờ, Trung tâm Đạo Cơ đốc của người Hmông... Nói cách khác, thay đổi theo đạo Phật hay các giáo phái khác nhau của Cơ đốc giáo là sự biến đổi mang tính thích nghi của người Hmông với quá trình dân tộc hoá, hiện đại hoá và toàn cầu hoá ở Thái Lan.

Việc thay đổi theo các giáo phái khác nhau với các giáo lý và nguyên tắc khác nhau của Cơ đốc giáo đã gây sự chia rẽ và xung đột giữa những người anh em họ hàng trong nội bộ gia đình, dòng họ và trong nội bộ cộng đồng tộc người Hmông. Để tránh sự chia rẽ và xung đột này gần đây giới lãnh đạo nhà thờ và các cố đạo người Hmông thuộc các giáo phái đạo Cơ đốc đã và đang tìm cách để điều chỉnh giáo lý và các nguyên tắc của từng giáo phái cho thích hợp với bối cảnh văn hoá riêng của người Hmông. Chấp nhận sự cùng tồn tại của tín ngưỡng và các tập quán văn hoá của người Hmông tỏ ra là

một giải pháp hữu hiệu để đạo Cơ Đốc có thể loại bỏ sự chia rẽ và xung đột và vì vậy có thể tồn tại được ở người Hmông.

### Tài liệu trích dẫn

- Keyes, Charles F. (1993), *Why the Tai Are Not Christians: Buddhist and Christian Conversion in Thailand* in "Conversion to Christianity: Historical and Anthropological Perspectives on a Great Transformation". Robert W. Hefler, ed. Berkley, Los Angeles, Oxford: University of California Press.
- Moua, Vayong (1995), *Hmong Christianity: Conversion, Consequence, and Conflict*.  
[Http://www.como.stpaul.k12.mn.us/Vue-Benson/HER.html](http://www.como.stpaul.k12.mn.us/Vue-Benson/HER.html)
- Prasit Leepree Cha (2001), *Kinship and Identity among Hmong in Thailand* (unpublished Ph.D. Dissertation), University of Washington.
- Tapp, Nicholas (1989), *The Impact of Missionary Christianity upon Marginalized Ethnic Minorities: The Case of the Hmong*. *Journal of Southeast Asian Studies* 27: 70-90
- (1989), *Sovereignty and Rebellion: The White Hmong of Northern Thailand*, Oxford: Oxford University Press.
- Thang, Van Nguyen (2001) *Ambiguity of Identity: The Case of Na Mieu in Vietnam* (Ph.D. Dissertation), University of Washington.
- Thongchai Winichakul (1993), *Siam Mapped*. Chiang Mai: Silkworm Books.